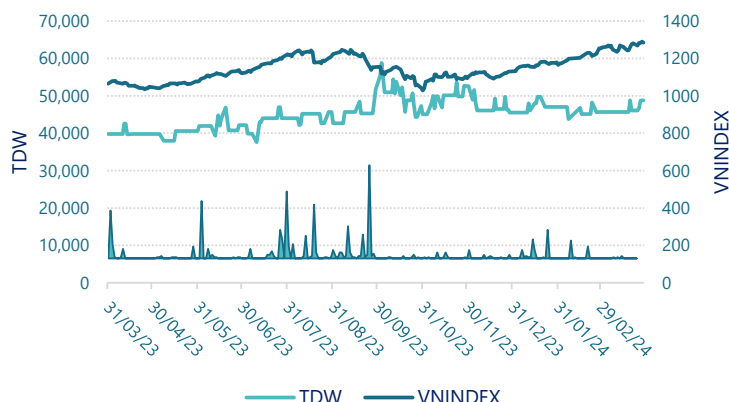


CTCP Cấp nước Thủ Đức (HSX: TDW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	48,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,596
SL cổ phiếu LH	8,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	310
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	415
P/E	8.0
EPS	6,067

DT thuần

Q1/24

322

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0 | 8.3%

YoY: ▼ 18.0 | -5.4%

LN sau thuế

Q1/24

14.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.90 | 6.7%

YoY: ▼ 0.80 | -5.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

5.6%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2023

1,283

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 99.0 | 8.3%

LN sau thuế

2023

53.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.40 | 13.4%

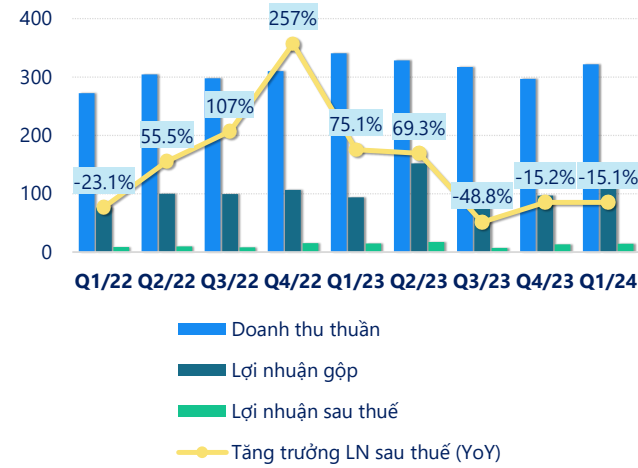
ROE

2023

23.0%

tỷ VNĐ

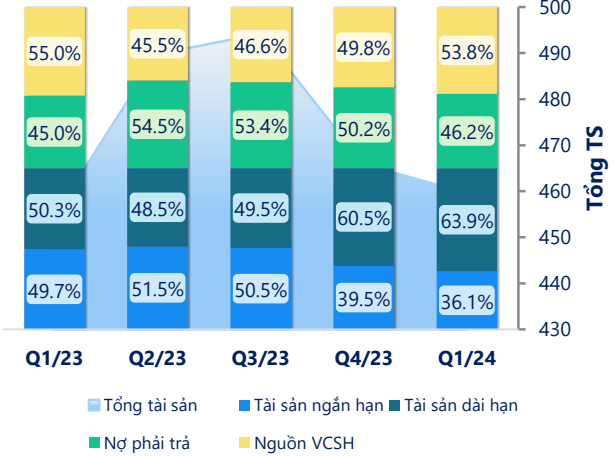
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

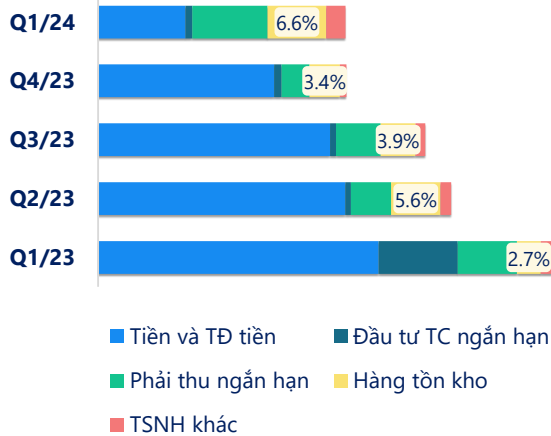
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



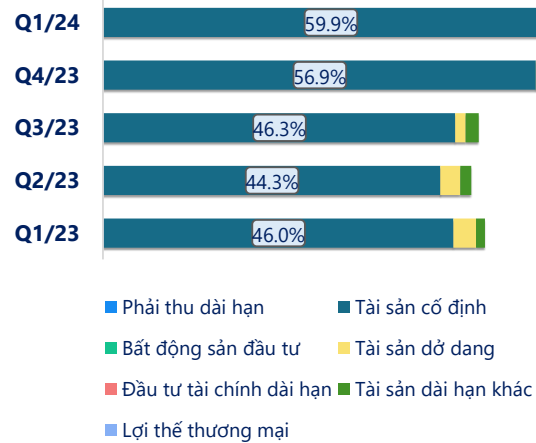
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

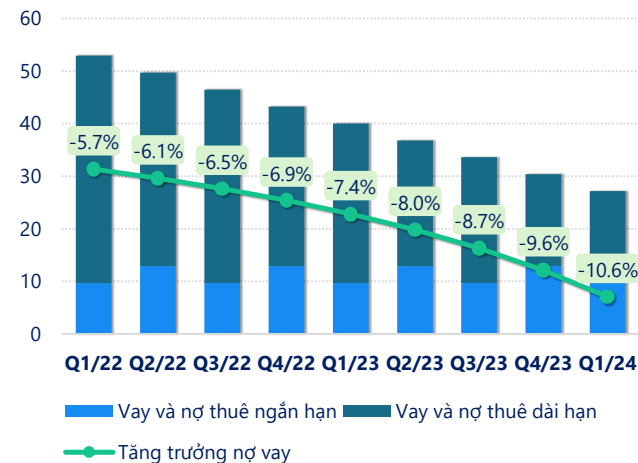
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

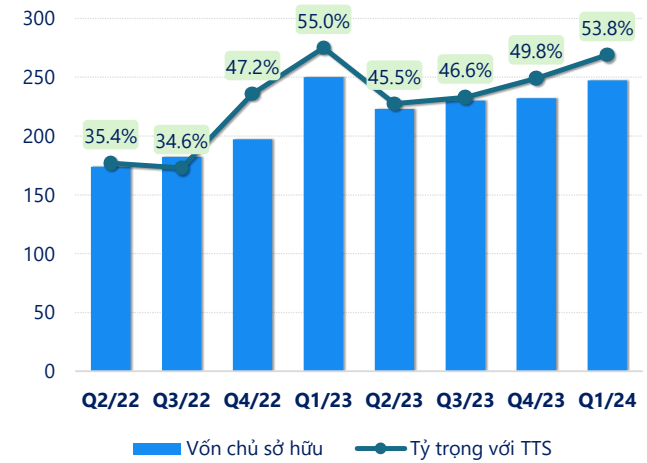
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

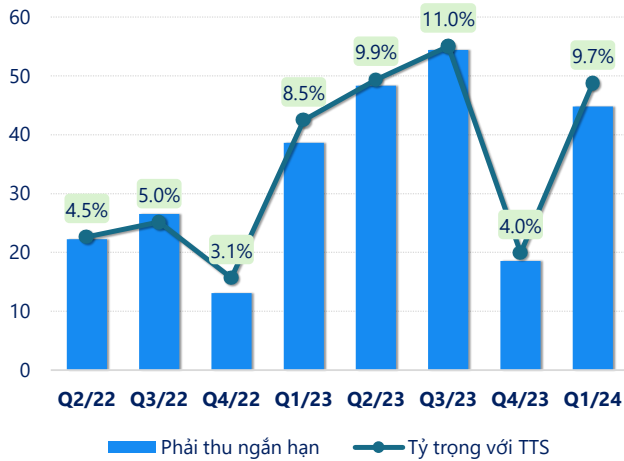
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


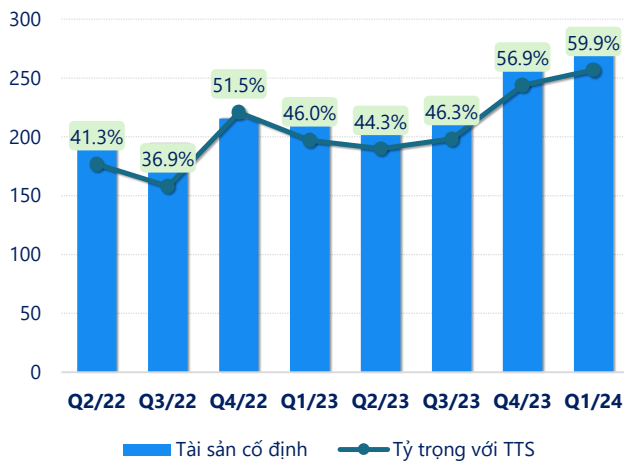
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

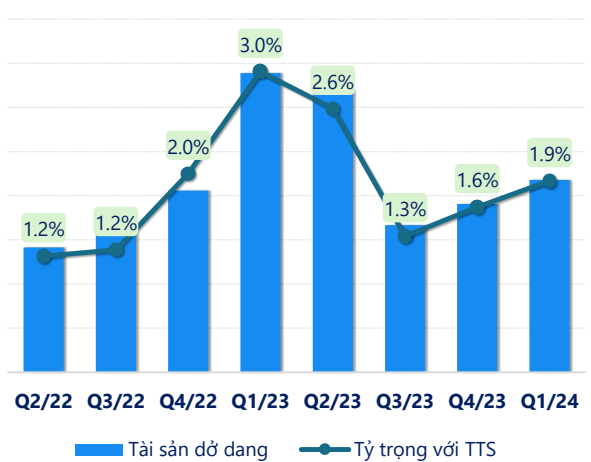

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

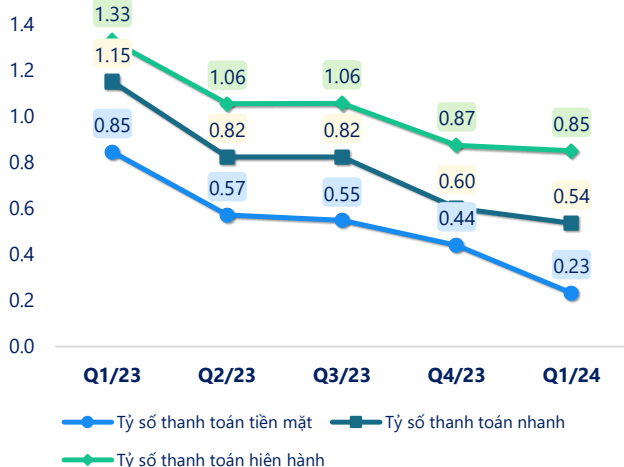
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

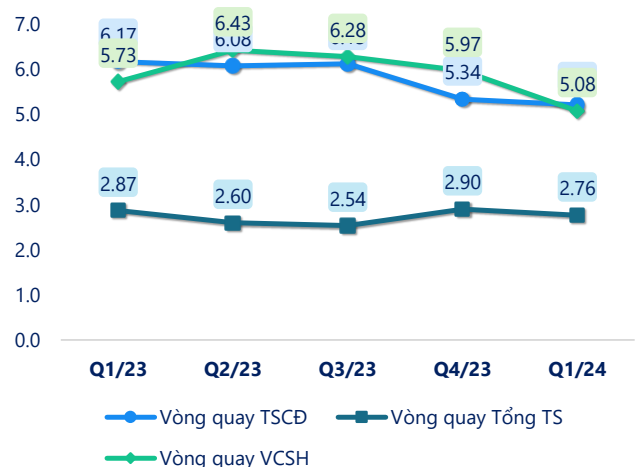
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	455	490	494	466	460
Tài sản ngắn hạn	226	252	250	184	166
Tiền và tương đương tiền	144	137	129	92.5	45.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.57	1.45	1.45	1.45	1.45
Phải thu ngắn hạn	38.6	48.4	54.4	18.6	44.8
Hàng tồn kho	30.1	55.4	55.0	57.3	61.4
Tài sản ngắn hạn khác	9.84	10.5	9.46	14.0	12.9
Tài sản dài hạn	229	237	244	282	294
Phải thu dài hạn	0.54	0.54	0.54	0.54	0.18
Tài sản cố định	209	217	229	265	276
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.6	12.8	6.67	7.63	8.72
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.37	7.13	8.60	8.88	9.39
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	205	267	264	234	212
Nợ ngắn hạn	170	239	236	210	195
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.67	12.9	9.67	12.9	9.67
Phải trả người bán ngắn hạn	87.9	85.4	78.9	112	91.6
Nợ dài hạn	34.3	27.9	27.9	23.4	17.5
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	23.9	23.9	17.5	17.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	250	223	230	232	247
Vốn chủ sở hữu	250	223	230	232	247
Vốn điều lệ	85.0	85.0	85.0	85.0	85.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)